TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG NHÉ** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 07/2022/HS-ST
Ngày 19-01-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG NHÉ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Văn Thuy

Ông Vàng Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Công Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 19/01/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2021/TLST-HS ngày 31/12/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HS ngày 06/01/2022 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Lê Văn T (Tên gọi khác: không); Sinh năm 1986 tại huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Đ 9, Thị trấn Th, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Nông dân; Trình độ văn hoá: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn Ngh (sinh năm 1957) và bà Đào Thị Th (sinh năm 1960); Có vợ Lường Thị L, sinh năm 1990 (đã ly hôn vợ) và có 01 con; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 tiền án (Ngày 17/10/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xử phạt 12 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"); Nhân thân: Ngày 27/9/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên xử phạt 30 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/10/2021 đến ngày 21/10/2021; tạm giam từ ngày 21/10/2021 đến nay, có mặt.

2. Bị cáo Điêu Chính Ng (Tên gọi khác: không); Sinh năm 1982 tại xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông dân; Trình độ văn hoá: 05/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Điêu Chính Ngh (đã chết) và bà Mào Thị P (sinh năm 1960); Tiền sự: Không; Tiền án: Có 03 tiền án. Năm 2008 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên xử phạt 14 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản; Năm 2011 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên xử phạt 30 tháng tù về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy"; Ngày 25/6/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên xử phạt 08 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Nhân thân: Năm 2003 bị đưa vào cơ sở Giáo dục bắt buộc 2 năm. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/10/2021 đến ngày 21/10/2021; tạm giam từ ngày 21/10/2021 đến nay, có mặt.

* *Bị hại:* Anh Trương Xen Đ, sinh năm 1989; địa chỉ: Bản L, xã L, huyện M, tỉnh Điện Biên, có mặt.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1984, trú tại: Bản M, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 18/10/2021 Lê Văn T đi xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 89F9-2267 chở Điêu Chính Ng lên xã Ch, huyện M chơi, khi đi đến bản Đ, xã Ch thì Ng vào nhà một người dân tộc Mông chơi, còn T đứng ngoài trông xe. Khoảng 20 phút sau T tiếp tục điều khiển xe máy chở Ng lên khu vực xã L chơi, T bảo với Ng là lên đó xem nhà nào không có người ở nhà thì trộm cắp tài sản. Ng đồng ý và cả hai cùng đi, trên đường đi T vào quán tạp hóa mua 01 bao tải màu đỏ với mục đích để đựng tài sản trộm cắp được, sau đó cả hai điều khiển xe máy đi đến nhà anh Trương Sen Đ ở bản L, xã L, không thấy ai ở nhà, cả hai đi xe máy vào sân nhà anh Đ, quan sát trong chuồng lợn nhà anh Đ có 03 con lợn, Ng vào chuồng lợn và bắt 01 con lợn cái da lông màu đen và gọi T mang bao tải đến để cho con lợn vào trong, sau đó Ng bê bao tải đựng lợn ra xe máy, T điều khiển xe máy chở Ng ôm bao tải lợn phía sau đi về hướng quốc lộ 4H. Nghe thấy tiếng lợn con kêu ông Đ đi làm vườn về đến nhà thì thấy Ng và T đi xe máy từ sân nhà mình ra, anh Đ kiểm tra thì phát hiện bị mất 01 con lợn con nên lấy xe máy đuổi theo T và Ng, đuổi theo đến xã Ch anh Đ thấy T và Ng đi về phía xã M, anh Đ điện thoại cho tổ cảnh sát giao thông huyện M đề nghị bắt T và Ng. Khoảng 10 giờ 20 phút, T và Ng đi đến t 1, xã M thì bị tổ cảnh sát giao thông công an huyện M yêu cầu dừng xe kiểm tra, đồng thời anh Đ cũng kịp đến đúng lúc để kiểm tra thì phát hiện T và Ng đang giữ con lợn cái của anh Đ. Tổ cảnh sát giao thông tiến hành lập biên bản và đưa T, Ng cùng vật chứng về Công an huyện Mường Nhé để điều tra làm rõ.

Bản kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐ ĐGTSTTHS ngày 20/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự UBND huyện Mường Nhé kết luận:

Một con lợn cái, loại lợn dân, lông màu đen, có khối lượng 23 kg có giá trị là 2.300.000 đồng (*Hai triệu ba trăm nghìn đồng*).

Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Nhé đã tạm giữ: 01 con lợn cái, da lông màu đen có khối lượng 23 kg; 01 chiếc bao tải màu đỏ; 01 xe máy Honda Wave, biển kiểm soát 89F9-2267; 01 điện thoại nhãn hiệu Itel A33; 01 điện thoại ZoNo-N100, màu xanh, loại đen trắng, bàn phím cơ.

Ngày 27/10/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Mường Nhé đã giao lại cho chủ sở hữu hợp pháp là gia đình anh Trương Xen Đ 01 con lợn cái, da lông màu đen có khối lượng 23 kg.

Ngày 07/12/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Mường Nhé đã

giao 01 xe máy Honda Wave, biển kiểm soát 89F9-2267; 01 điện thoại nhãn hiệu Itel A33cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lê Thị T.

Ngày 07/12/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Mường Nhé đã giao 01 điện thoại nhãn hiệu ZoNo-N100, màu xanh, loại đen trắng, bàn phím cơ cho chủ sở hữu hợp pháp là Điêu Chính Ng.

Cáo trạng số 03/CT-VKS-MN ngày 31/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé đã truy tố Lê Văn T để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố Điêu Chính Ng để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng truy tố, phần luận tội đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù;

Áp dụng điểm g khoản 2 điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Điêu Chính Ng từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù;

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 bao tải màu đỏ.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Điêu Chính Ng; Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã tóm tắt ở trên và đúng như cáo trạng truy tố. Các bị cáo không tranh luận gì với luận tội của Viện kiểm sát, lời sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị hại tại phiên tòa khai: Anh Đ đã nhận lại tài sản bị mất là 01 con lợn cái da lông màu đen, 23 kg, đúng là tài sản gia đình bị mất. Anh Đ không đề nghị gì về trách nhiệm dân sự. Về trách nhiệm hình sự anh Đ đề nghị xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị T tại phiên tòa trình bày: Chị T có cho Lê Văn T mượn xe máy nhưng không biết gì về việc T và Ng dùng xe máy để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Chị T đã nhận lại xe máy và không đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi phạm tội và những căn cứ xác định tội danh của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo khai: Ngày 18/10/2021 lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu các bị cáo Lê Văn T và Điêu Chính Ng đã trộm cắp của anh Trương Xen Đ ở bản L, xã L, huyện M 01 con lợn cái da lông màu đen, 23 kg, trị giá 2.300.000 đồng. Mục đích mà các bị cáo trộm lợn bán là để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai ở các bản cung có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết luận điều tra, với cáo trạng truy tố và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

Về yếu tố định khung hình phạt đối với bị cáo Điêu Chính Ng, xét thấy: Năm 2008 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé xử phạt 14 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích. Năm 2011 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé xử phạt 30 tháng tù về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy", bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích (Bản án năm 2011 xác định bị cáo tái phạm); Ngày 25/6/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé xử phạt 08 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" (Bản án năm 2014 xác định bị cáo tái phạm nguy hiểm), bị cáo cũng đã chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích. Đến ngày 18/10/2021 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và bị khởi tố, truy tố. Như vậy bị cáo Điêu Chính Ng đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, do vậy hành vi phạm tội của bị cáo Điêu Chính Ng thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số 03/CT-VKSMN ngày 31/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé đã truy tố bị cáo Lê Văn T để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố Điêu Chính Ng để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[2] Xét về tính chất vụ án: Đây là vụ án xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự an toàn xã hội và gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm về trộm cắp tài sản, các bị cáo đều thực hiện hành vi phạm tội với tư cách là người thực hành. Bị cáo Lê Văn T là người nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, chủ động mua bao tải để đựng tài sản trộm cắp được. Bị cáo Điêu Chính Ng tuy không là người này sinh ý định phạm tội trước nhưng khi bị cáo T bàn với Ng là trộm cắp tài sản để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân thì Ng đồng ý và còn tích cực trong việc bắt lợn

cùng với T và cho vào bao, chở đi tiêu thụ, như vậy trong vụ án này các bị cáo cần áp dụng mức hình phạt tương xứng để đảm bảo tính răn đe.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Lê Văn T: Bị cáo T là người có nhân thân rất xấu, đã bị xét xử vào năm 2012, đã được xóa án tích. Ngày 17/10/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xử phạt 12 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", bị cáo đã chấp hành xong hình phạt của bản án trên nhưng chưa được xóa án tích. Đến ngày 18/10/2021 bị cáo lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản khi chưa được xóa án tích nên đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" cho bị cáo được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Điêu Chính Ng: Bị cáo là người có nhân thân rất xấu, đã bị xử phạt hành chính năm 2003, đã được xóa án tích; bị cáo cũng có nhiều tiền án, đã bị xét xử ba lần vào các năm 2008, 2011 và năm 2014. Đến ngày 18/10/2021 lại cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản khi chưa được xóa án tích. Điều đó cho thấy bị cáo không có thái độ ăn hối cải, coi thường kỷ cương pháp luật Nhà nước.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa các bị cáo Lê Văn T và Điêu Chính Ng thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy cần xử phạt các bị cáo nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; đề nghị xử phạt Điêu Chính Ng từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Xét thấy đề nghị về hình phạt của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật nên cần xem xét xử phạt các bị cáo như đề nghị của viện kiểm sát.

Xét hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo còn nhiều khó khăn nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Trương Xen Đ tại phiên tòa không yêu cầu gì về nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 con lợn cái da lông màu đen, 23 kg, quá trình điều tra đã làm rõ tài sản này thuộc sở hữu hợp pháp của anh Trương Xen Đ, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng theo theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với chiếc điện thoại Itel A33 (Ng mượn của chi gái Lê Thị T) và 01 xe máy Honda Wave, biển kiểm soát 89F9-2267 (Lê Văn T và Điêu Chính Ng sử dụng làm phương tiện phạm tội). Quá trình điều tra đã làm rõ chủ sở hữu hợp pháp

là chị Lê Thị T, chị Tâm không biết gì về việc T và Ng dùng xe máy này làm phương tiện phạm tội, đối với chiếc điện thoại Itel A33 cũng không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp chị Lê Thị T đúng theo theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với chiếc điện thoại ZONO-N100 của Điêu Chính Ng, quá trình điều tra đã làm rõ Ng không dùng vào việc trao đổi bàn bạc để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp Điêu Chính Ng đúng theo theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 bao tải màu đỏ, xét thấy đây là công cụ mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội, đã hết giá trị sử dụng nên căn cứ khoản điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí:

Xét thấy bị cáo Điêu Chính Ng là đồng bào dân tộc thiểu số, thường trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn đề nghị miễn án phí nên căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cần miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Điêu Chính Ng.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định phápluật.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Nhé, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T và Điêu Chính Ng phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

II. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 *(Một)*

năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 18/10/2021).

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Điêu Chính Ng 02 *(Hai)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 18/10/2021).

III. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bao tải màu đỏ (của Lê Văn T và Điêu Chính Ng).

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/12/2021 giữa Công an huyện Mường Nhé và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Nhé.

V. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Điêu Chính Ng.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

VI. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-THA (TAND tỉnh Điện Biên);
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Nhé;
- Nhà tạm giữ, Cơ quan THAHS, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Nhé;
- Chi cục THADS huyện Mường Nhé;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Bị hại, Người có QL và NV liên quan;
- Lưu: HS, HSTHA.

.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Nhung